

BIỂU PHÍ DÀNH CHO BẢO HIỂM BỒI THƯỜNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO TỔNG LƯƠNG

Đây là biểu phí bảo hiểm áp dụng cho loại hình Bảo hiểm cho người lao động khi người được bảo hiểm mua bảo hiểm theo mức lương cho nhân viên của mình.

Dựa theo biểu phí này, các phòng kinh doanh sẽ phải đưa ra tỷ lệ phù hợp đối với từng khách hàng với mức chiết khấu hợp lý. Các phòng kinh doanh được cung cấp bản chào và phát hành hợp đồng mà không cần phê chuẩn của phòng nghiệp vụ nếu không phải rủi ro loại trừ hoặc phải xin ý kiến và tuân theo biểu phí này

1. Chi phí y tế

STBH/người/vụ	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
0 - 500	USD 6.00	USD 7.50	USD 8.50	USD 10.50
USD 1,000	USD 8.50	USD 10.50	USD 12.50	USD 15.00
USD 2,000	USD 12.50	USD 14.50	USD 17.00	USD 20.00
USD 3,000	USD 14.00	USD 16.00	USD 18.50	USD 22.00
USD 5,000	USD 17.50	USD 20.50	USD 24.00	USD 28.00
USD 10,000	USD 45.00	USD 54.00	USD 65.00	USD 80.00

2. Chết và thương tật vĩnh viễn (STBH chính)

STBH/người/vụ	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
0 - USD 50,000	0.065%	0.075%	0.085%	0.10%

3. Lương trong thời gian chữa trị (Thương tật tạm thời)

STBH/người/vụ	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
12 tháng lương	0.26%	0.31%	0.37%	0.45%

4. Phí áp dụng cho các dự án không khai báo chi tiết danh sách công nhân, nhân viên tính trên Số tiền bảo hiểm

- Văn phòng, nhà máy: 0.25%
- Công trình xây dựng: 0.30%

Số công nhân tối đa cho 1 ca làm việc (Người)	Hạn mức trách nhiệm/vụ (USD)
0-300	150,000
301-600	250,000
601-1,200	400,000
1,201 – 2,400	650,000
Over 2,400	TBA

5. Phân loại người lao động

Loại 1: Lao động gián tiếp, làm việc chủ yếu trong văn phòng, bàn giấy hoặc những công việc tương tự ít đi lại khác. Ví dụ: kế toán, bác sĩ, thư ký văn phòng...

Loại 2: Nghề nghiệp không phải lao động chân tay nhưng có mức độ rủi ro cao hơn loại 1, đòi hỏi phải đi lại nhiều hoặc bao gồm cả lao động chân tay nhưng không thường xuyên và lao động chân tay nhẹ. Ví dụ: Nhân viên bán hàng, kỹ sư dân dụng, thợ cắt tóc, thủ kho...

Loại 3: Nghề nghiệp chủ yếu mà công việc chủ yếu là lao động chân tay và những công việc có mức độ rủi ro cao hơn loại 2, phải thường xuyên sử dụng công cụ lao động hoặc máy móc. Ví dụ: kỹ sư cơ khí, kỹ sư điện, công nhân ngành điện sử dụng các thiết bị điện, thợ may, công nhân...

Loại 4: Những công nhân làm việc trong môi trường nguy hiểm, dễ xảy ra tai nạn như thủy thủ, công nhân ngoài khơi thợ mỏ và những nghề không được đề cập đến ở loại 1,2,3

6. Tỷ lệ giảm phí

Số lượng người tham gia bảo hiểm	Tỷ lệ chiết khấu
Trên 50 người	10%
Trên 100 người	20%
Trên 200 người	25%
Trên 500 người	30%
Trên 1000 người	40%

Trong trường hợp tổng số người được bảo hiểm lớn hơn 200 đối với báo giá/hợp đồng mới hoặc 400 người với báo giá/hợp đồng tái tục, phòng kinh doanh phải xin ý kiến của Phòng nghiệp vụ - tái bảo hiểm.

Trong trường hợp tỷ lệ chiết khấu khác với bảng tỷ lệ giảm phí, phòng kinh doanh phải xin ý kiến Phòng nghiệp vụ- tái bảo hiểm